

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày: 26- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Hương

2. Bà Vũ Thị H

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình L, tên gọi khác: không; sinh ngày 28/8/1981; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn LS, thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1949, con bà: Nguyễn Thị D, đã chết; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ là: Lê Thị T, sinh năm 1992, chưa có con;

Tiền án: Có 06 tiền án, gồm:

+ Tại bản án số 79/2000/HSPT ngày 16/8/2000 bị TAND tỉnh Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản của công dân”.

+ Tại bản án số 07/2004/HSST ngày 31/3/2004 bị TAND huyện Long T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

+ Tại bản án số 08/2004/HSST ngày 05/5/2004 bị TAND huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp T sản”; 01 năm tù về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp với bản án số 07/2004/HSST ngày 31/3/2004 bị TAND huyện Long T, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo Nguyễn Đình L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 năm 08 tháng tù.

+ Tại bản án số 09/2004/HSST ngày 02/6/2004 bị TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

+ Tại bản án số 91/2012/HSST ngày 24/4/2012 bị TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp T sản”.

+ Tại bản án số 66/2015/HSST ngày 23/6/2015 bị TAND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ L giam Công an huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Dương Quý H, sinh năm 1989 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh T

- **Người tham gia tố tụng khác:**

+ **Người làm chứng:**

1. Anh Dương Quý L, sinh năm 1982 – Vắng mặt

Trú tại: Tổ 64, LQ - VCH, quận Đ, TP H

2. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1995 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh T

3. Anh Vũ Văn PH, sinh năm 1984 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm TK, xã XL, huyện YT, tỉnh B

4. Anh Dương Quý T, sinh năm 1994 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 03/01/2019, Nguyễn Đình L đang làm việc tại quán ăn thuộc xã NS, thành phố BN, tỉnh BN thì nghe thấy hai người phụ nữ nói chuyện về việc đi phúng viếng đám ma ở xã HT, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi nghe được thông tin, L liền nảy sinh ý định đến đám ma, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý T sản để trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu sài nên L về nhà lấy 01 chiếc vam phá khóa, dạng tự chế gồm 02 thanh kim loại (01 thanh kích thước dài 11cm x 0,5cm; 01 thanh kích thước 4cm x 1,1cm) được nối vuông góc với nhau hình chữ T, 01 mũi tuốc nơ vít dài khoảng 05 – 07cm, mũi bẹt hai cạnh được lắp vào tay công làm dụng cụ phá khóa điện xe mô tô. Khoảng 13 giờ cùng ngày, L bắt xe khách đi lên huyện YT, tỉnh B rồi tiếp tục đi xe ôm đến xã HT, huyện Đ, tỉnh T. Trên đường đi, L hỏi thăm người dân ven đường và biết được gia đình bà Vũ Thị Hở xóm ĐT, xã HT, huyện Đ có đám tang nên L đi đến đó. Khoảng 18 giờ L đến gần nhà bà Hở rồi đi bộ vào, trên đường đi L quan sát thấy chỗ trông xe máy, có

thấp đèn sáng và có người trông coi, đi khoảng 20 mét nữa thì đến đoạn đường dốc đi lên nhà bà Hồi, bên cạnh có đoạn đường bê tông có 3- 4 chiếc xe mô tô dựng ở đó nhưng không có người trông coi, quản lý. L đi thẳng vào trong rạp ngồi uống nước ở một bàn sát cổng của đám tang, chỗ ánh sáng bị che khuất để quan sát, tìm sơ hở để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 19 giờ thì L nhìn thấy có 04 chiếc xe mô tô đến viếng đám ma, xe để ở rìa đường bê tông, đối diện dốc lên nhà bà Hồi, chờ cho đến khi tất cả những người trên đi vào đám ma thì L tiến lại gần chiếc xe Honda, loại Dream, biển kiểm soát 20B1:072.xx đỗ gần vuông góc với đường bê tông, phần đầu xe hướng xuống bãi chè, phần đuôi xe hướng về phía lòng đường bê tông và toàn bộ xe nằm trên phần đất sát đường bê tông (sau này xác định được chiếc xe trên là của anh Dương Quý H, sinh năm 1989, trú tại: xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh T). L bò lại gần đầu chiếc xe trên, lấy tay phải rút chùm chìa khóa để ở trong túi áo khoác bên phải để phá khóa rồi dùng tay trái chọn một chìa khóa ngẫu nhiên trong chùm chọc vào ổ khóa điện của xe mô tô nhưng không mở được nên L nhồm dẩy, ngồi lên yên xe, dùng tay phải chọc vạm phá khóa vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ thì thấy có tiếng “cách”, hệ thống đèn xe sáng và hiện chữ “N” màu xanh, L biết đã mở được ổ khóa điện của xe nên dùng hai tay cầm vào tay lái xe mô tô, đồng thời dùng hai chân để đẩy xe lùi lại ra giữa lòng đường, khi dịch chuyển xe khỏi vị trí ban đầu được khoảng 1,5 mét thì L làm đèn chiếu sáng sau (đèn hậu) của xe phát sáng, ngay lúc đó anh Dương Quý T (sinh năm 1994, trú tại xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh T) là người trông xe hộ đám ma cùng với anh Triệu Văn Q (sinh năm 1995, trú tại xóm BB, xã H, huyện Đ, tỉnh T) đứng gần đó phát hiện truy hô rồi cùng đuổi và bắt giữ được L, đồng thời báo Công an xã HT, huyện Đ đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng đưa về Công an huyện Đồng Hỷ giải quyết.

Tại Kết luận định giá T sản số 02/ĐGTSHS ngày 09/01/2019 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự huyện Đồng Hỷ, kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS: 20B1 – 075.27, có giá trị 12.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS: 20B1 – 075.xx, ngày 14/01/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Dương Quý H quản lý, sử dụng.

Đối với 01 chiếc vạm phá khóa gồm 02 thanh kim loại nổi vuông góc với nhau (01 thanh kích thước dài 11cm x 0,5cm; 01 thanh kích thước 04cm x 1,1cm) hiện đang được bảo quản L giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại T sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSDH, ngày 04/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Đình L về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết vì bị hại không có yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vạm phá khóa gồm 02 thanh kim loại nối vuông góc với nhau (01 thanh kích thước dài 11cm x 0,5cm; 01 thanh kích thước 04cm x 1,1cm).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát; trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2019, tại khu vực nhà bà Vũ Thị Hồi thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện Đ, tỉnh T. Lợi dụng lúc đêm tối và khi mọi người đang tập trung phục vụ đám tang, sơ hở trong việc trông giữ T sản, Nguyễn Đình L đã có hành vi lén lút dùng vạm phá ổ khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS: 20B1– 075.xx, có giá trị 12.000.000 đồng của anh Dương Quý H mục đích lấy trộm chiếc xe mô tô trên đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nhưng chưa lấy được thì bị mọi người phát hiện bắt giữ đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, đặc điểm loại T sản chiếm đoạt, biên bản định giá T sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu được và những T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trước đó, tại bản án số 66/2015/HSST ngày 23/6/2015 của TAND huyện Quế Võ, tỉnh BN đã xác định bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm” và xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án này chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, đó là “Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến Q sở hữu về T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)....;

g) Tái phạm nguy hiểm;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nguyễn Đình L đã 06 lần bị xét xử về cùng loại tội và chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; tuy nhiên, tình tiết này đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử nhiều lần cùng về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật; do đó, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS: 20B1 – 075.xx mà bị cáo trộm cắp của anh Dương Quý H. Quá trình điều tra cơ quan Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho anh H là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS: 20B1 – 075.xx, ngày 14/01/2019 Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Dương Quý H quản lý, sử dụng.

- Đối với 01 chiếc vạm phá khóa gồm 02 thanh kim loại nối vuông góc với nhau (01 thanh kích thước dài 11cm x 0,5cm; 01 thanh kích thước 04cm x 1,1cm) không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đình L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Đình L** 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2019. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình L 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khối kim loại gồm 02 thanh kim loại nối vuông góc với nhau: Thanh kim loại số 01 có kích thước dài 11cm, đường kính 0,5cm. Thanh kim loại số 02 có kích thước dài 04cm, đường kính lớn nhất 1,1cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/4/2019 giữa Công an huyện Đồng Hỷ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Hỷ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại; báo cho bị cáo biết có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND thị trấn L, huyện TD, BN;
- Bị cáo, Bị hại;
- L: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc